

Số: / /TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG TƯ

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế.

Điều 2. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Thông tư số 41/2024/TT-BYT ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.



Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật 12 dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Bãi bỏ Thông tư số 35/2014/TT-BYT ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo Văn xã, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các bộ, ngành;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- TTKSBT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, AIDS, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN
CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC METHADONE
(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2024/TT-BYT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Khám ban đầu

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,2500000
	Găng tay	Đôi	1,1000000
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0009470
	Ga gối	Bộ	0,0004735
	Đệm	Bộ	0,0002367
	Đề lưới gỗ	Cái	1,1000000
	Ống nghe	Chiếc	0,0002367
	Cân đo sức khỏe	Chiếc	0,0002367
	Huyết áp	Cái	0,0002367
	Nhiệt kế hồng ngoại	Cái	0,0004735
	Máy đo nồng độ SPO2	Cái	0,0001184
	Đèn soi tai	Chiếc	0,0002367
	Đèn soi đồng tử	Chiếc	0,0002367
	Pin cho đèn soi tai/đèn soi đồng tử	Viên	0,0056818
	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và thiết bị y tế (trong đó có thuốc giải độc)	Hộp	0,0009470
	Mực in	Lần đổ mực	0,0062500
	Hộp mực	Lần thay	0,0015625
	Bệnh án (bìa, ruột, bệnh lịch)	Quyển	0,0238095
	Kẹp file lưu hồ sơ bệnh án	Cái	0,0002367
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0002367
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0027397
	Dấu tên bác sỹ	Cái	0,0002367
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000947
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0002367
	Tủ thuốc cấp cứu	Cái	0,0000473
	Tủ hồ sơ bệnh án	Cái	0,0000473
	Tủ hồ sơ hành chính	Cái	0,0000473
	Quạt điện	Cái	0,0004735
	Điều hòa	Chiếc	0,0000473
	Giường Inox	Cái	0,0000473

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Giấy in A5	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0002367
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0002367
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0002367
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Bác sỹ	Giờ	0,5000000
	Nhân viên y tế hỗ trợ bác sỹ	Giờ	0,5000000

2. Khám khởi liệu

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,1666667
	Găng tay	Đôi	1,1000000
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0006313
	Ga gối	Bộ	0,0003157
	Đệm	Bộ	0,0001578
	Đè lưới gỗ	Cái	1,1000000
	Ống nghe	Chiếc	0,0001578
	Cân đo sức khỏe	Chiếc	0,0001578
	Huyết áp	Cái	0,0001578
	Nhiệt kế hồng ngoại	Cái	0,0003157
	Máy đo nồng độ SPO2	Cái	0,0000789
	Đèn soi tai	Chiếc	0,0001578
	Đèn soi đồng tử	Chiếc	0,0001578
	Pin cho đèn soi tai/đèn soi đồng tử	Viên	0,0037879
	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và thiết bị y tế (trong đó có thuốc giải độc)	Hộp	0,0006313
	Mực in	Lần đổ mực	0,0012500
	Hộp mực	Lần thay	0,0003125
	Bệnh án (bìa, ruột, bệnh lịch)	Quyển	0,0238095
	Kẹp file lưu hồ sơ bệnh án	Cái	0,0001578
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0001578
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0027097
	Dấu tên bác sỹ	Cái	0,0001578
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000631
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0001578

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Tủ thuốc cấp cứu	Cái	0,0000316
	Tủ hồ sơ bệnh án	Cái	0,0000316
	Tủ hồ sơ hành chính	Cái	0,0000316
	Quạt điện	Cái	0,0003157
	Điều hòa	Chiếc	0,0000316
	Giường Inox	Cái	0,0000316
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Giấy in A5	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0001578
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0001578
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0001578
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Bác sỹ	Giờ	0,3333333
	Nhân viên y tế hỗ trợ bác sỹ	Giờ	0,3333333

Ghi chú: Định mức của dịch vụ khám khởi liều sẽ bao gồm:

- 1- Định mức khám khởi liều
- 2- Định mức 01 lần tư vấn nhóm
- 3- Định mức 01 lần cấp phát thuốc

3. Khám trong quá trình điều trị

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,1250000
	Găng tay	Đôi	1,1000000
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0004735
	Ga gối	Bộ	0,0002367
	Đệm	Bộ	0,0001184
	Đè lưới gỗ	Cái	1,1000000
	Ống nghe	Chiếc	0,0001184
	Cân đo sức khỏe	Chiếc	0,0001184
	Huyết áp	Cái	0,0001184
	Nhiệt kế hồng ngoại	Cái	0,0002367
	Máy đo nồng độ SPO2	Cái	0,0000592
	Đèn soi tai	Chiếc	0,0001184
	Đèn soi đồng tử	Chiếc	0,0001184
	Pin cho đèn soi tai/đèn soi đồng tử	Viên	0,0028409
	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và thiết bị y tế (trong đó có thuốc giải độc)	Hộp	0,0004735
	Mực in	Lần đổ mực	0,0012500

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Hộp mực	Lần thay	0,0003125
	Bệnh án (bìa, ruột, bệnh lịch)	Quyển	0,0238095
	Kẹp file lưu hồ sơ bệnh án	Cái	0,0001184
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0001184
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0027397
	Dấu tên bác sỹ	Cái	0,0001184
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000473
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0001184
	Tủ thuốc cấp cứu	Cái	0,0000237
	Tủ hồ sơ bệnh án	Cái	0,0000237
	Tủ hồ sơ hành chính	Cái	0,0000237
	Quạt điện	Cái	0,0002367
	Điều hòa	Chiếc	0,0000237
	Giường Inox	Cái	0,0000237
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Giấy in A5	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0001184
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0001184
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0001184
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Bác sỹ	Giờ	0,2500000
	Nhân viên y tế hỗ trợ bác sỹ	Giờ	0,2500000

4. Khám hoàn thành điều trị

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,0833333
	Găng tay	Đôi	1,1000000
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0003157
	Ga gối	Bộ	0,0001578
	Đệm	Bộ	0,0000789
	Đề lưỡi gỗ	Cái	1,1000000
	Ống nghe	Chiếc	0,0000789
	Cân đo sức khỏe	Chiếc	0,0000789
	Huyết áp	Cái	0,0000789
	Nhiệt kế hồng ngoại	Cái	0,0001578
	Máy đo nồng độ SPO2	Cái	0,0000395

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Đèn soi tai	Chiếc	0,0000789
	Đèn soi đồng tử	Chiếc	0,0000789
	Pin cho đèn soi tai/đèn soi đồng tử	Viên	0,0018939
	Hộp thuốc cấp cứu phân vệ và thiết bị y tế (trong đó có thuốc giải độc)	Hộp	0,0003157
	Mực in	Lần đổ mực	0,0012500
	Hộp mực	Lần thay	0,0003125
	Bệnh án (bìa, ruột, bệnh lịch)	Quyển	0,0238095
	Kẹp file lưu hồ sơ bệnh án	Cái	0,0000789
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0000789
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0027397
	Dấu tên bác sỹ	Cái	0,0000789
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000316
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0000789
	Tủ thuốc cấp cứu	Cái	0,0000158
	Tủ hồ sơ bệnh án	Cái	0,0000158
	Tủ hồ sơ hành chính	Cái	0,0000158
	Quạt điện	Cái	0,0001578
	Điều hòa	Chiếc	0,0000158
	Giường Inox	Cái	0,0000158
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Giấy in A5	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0000789
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0000789
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0000789
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Bác sỹ	Giờ	0,1666667
	Nhân viên y tế hỗ trợ bác sỹ	Giờ	0,2500000

5. Tư vấn cá nhân trước điều trị

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,1052632
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0003987
	Tờ gấp truyền thông	Tờ	1,1000000
	Mực in	Lần đổ mực	0,0025000

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Hộp mực	Lần thay	0,0006250
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0001994
	Dầu tên nhân viên y tế	Cái	0,0001994
	Mực dầu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000665
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0003987
	Quạt điện	Cái	0,0001994
	TV (Tivi)	Chiếc	0,0000399
	Điều hòa	Chiếc	0,0000399
	Kệ đựng tài liệu truyền thông	Cái	0,0000399
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0001994
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0001994
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0001994
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,4166667

6. Tư vấn cá nhân trong quá trình điều trị

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,0833333
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0003157
	Tờ gấp truyền thông	Tờ	1,1000000
	Mực in	Lần đổ mực	0,0025000
	Hộp mực	Lần thay	0,0006250
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0001578
	Dầu tên nhân viên y tế	Cái	0,0001578
	Mực dầu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000526
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0003157
	Quạt điện	Cái	0,0001578
	TV (Tivi)	Chiếc	0,0000316
	Điều hòa	Chiếc	0,0000316
	Kệ đựng tài liệu truyền thông	Cái	0,0000316

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0001578
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0001578
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0001578
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,333333

7. Tư vấn cá nhân sau khi hoàn thành điều trị

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,0625000
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0002367
	Tờ gấp truyền thông	Tờ	1,1000000
	Mực in	Lần đổ mực	0,0025000
	Hộp mực	Lần thay	0,0006250
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0001184
	Dấu tên nhân viên y tế	Cái	0,0001184
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000395
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0002367
	Quạt điện	Cái	0,0001184
	TV (Tivi)	Chiếc	0,0000237
	Điều hòa	Chiếc	0,0000237
	Kệ đựng tài liệu truyền thông	Cái	0,0000237
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0001184
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0001184
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0001184
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,250000

8. Liệt pháp tâm lý nhóm (người bệnh hoặc gia đình)

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Khẩu trang	Chiếc	0,3333333
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0012626
	Tờ gấp truyền thông	Tờ	1,1000000
	Mực in	Lần đổ mực	0,0025000
	Hộp mực	Lần thay	0,0006250
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0006313
	Dấu tên nhân viên y tế	Cái	0,0006313
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Bảng trắng mica	Chiếc	0,0006313
	Bút dạ viết bảng	Chiếc	0,1000000
	Ghế bệnh nhân	Chiếc	0,0006313
	Bộ bàn ghế phòng họp	Chiếc	0,0000063
	Quạt điện	Cái	0,0006313
	TV (Tivi)	Chiếc	0,0001263
	Điều hòa	Chiếc	0,0001263
	Kệ đựng tài liệu truyền thông	Cái	0,0001263
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0000316
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0006313
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Cái	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0000316
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,100000

9. Cấp phát thuốc hằng ngày tại cơ sở điều trị

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Găng tay	Đôi	0,1875000
	Khẩu trang	Chiếc	0,0250000
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0000694
	Bơm định liều methadone	Chiếc	0,0000694
	Xi lanh 3ml	Cái	0,0068750
	Cốc có mô	Cái	0,0000694
	Ấm kế (trong kho thuốc)	Cái	0,0000174
	Nhiệt kế (trong kho thuốc)	Cái	0,0000174

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0000174
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0027397
	Dấu tên nhân viên y tế	Cái	0,0000237
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Giá để cốc	Cái	0,0000174
	Giá để chai thuốc	Cái	0,0000347
	Giá đựng phiếu cấp phát thuốc	Cái	0,0000174
	Giá đựng vỏ chai thuốc sau sử dụng để chờ hủy	Cái	0,0000174
	Cốc dùng 01 lần	Cái	1,1000000
	Thùng đựng cốc sau khi sử dụng	Cái	0,0000347
	Túi nilon cho thùng nhựa to đựng cốc	Cái	0,0005682
	Bình nước có vòi (cho bệnh nhân)	Bình	0,0057895
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Hũ chai thuốc	Kg	0,0012500
	Hũ cốc dùng 1 lần	Kg	0,0187500
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000069
	Tủ hồ sơ hành chính	Chiếc	0,0000035
	Tủ bảo quản thuốc có khóa	Cái	0,0000035
	Tủ có khóa đựng thuốc cấp phát hằng ngày	Cái	0,0000035
	Mực in	Lần đổ mực	0,0006250
	Hộp mực	Lần thay	0,0001563
	Quạt điện	Cái	0,0000521
	Điều hòa	Chiếc	0,0000069
	Máy hút ẩm	Chiếc	0,0000069
	Máy phát điện	Chiếc	0,0000069
	Hiệu chuẩn âm kế, nhiệt kế	Lần	0,0000174
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0000237
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0000237
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Hộp	0,0200000
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0000237
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,100000

10. Cấp phát thuốc hằng ngày tại cơ sở cấp phát thuốc

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Găng tay	Đôi	0,1875000
	Khẩu trang	Chiếc	0,0250000
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0000694
	Bơm định liều methadone	Chiếc	0,0000694
	Xi lanh 3ml	Cái	0,0068750
	Cốc có mỏ	Cái	0,0000694
	Ấm kê (trong kho thuốc)	Cái	0,0000174
	Nhiệt kế (trong kho thuốc)	Cái	0,0000174
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0000174
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0027397
	Dấu tên nhân viên y tế	Cái	0,0000237
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Giá để cốc	Cái	0,0000174
	Giá để chai thuốc	Cái	0,0000347
	Giá đựng phiếu cấp phát thuốc	Cái	0,0000174
	Giá đựng vỏ chai thuốc sau sử dụng để chờ hủy	Cái	0,0000174
	Cốc dùng 01 lần	Cái	1,1000000
	Thùng đựng cốc sau khi sử dụng	Cái	0,0000347
	Túi nilon cho thùng nhựa to đựng cốc	Cái	0,0005682
	Bình nước có vòi (cho bệnh nhân)	Bình	0,0057895
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Hủy chai thuốc	Kg	0,0012500
	Hủy cốc dùng 1 lần	Kg	0,0187500
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000069
	Tủ hồ sơ hành chính	Chiếc	0,0000035
	Tủ bảo quản thuốc có khóa	Cái	0,0000035
	Tủ có khóa đựng thuốc cấp phát hằng ngày	Cái	0,0000035
	Mực in	Lần đổ mực	0,0006250
	Hộp mực	Lần thay	0,0001563
	Quạt điện	Cái	0,0000521
	Điều hòa	Chiếc	0,0000069
	Máy hút âm	Chiếc	0,0000069
	Máy phát điện	Chiếc	0,0000069
	Hiệu chuẩn âm kế, nhiệt kế	Lần	0,0000174
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0000237

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0000237
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Hộp	0,0000237
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0000237
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,100000

11. Cấp phát thuốc nhiều ngày tại cơ sở điều trị

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Găng tay	Đôi	0,6250000
	Khẩu trang	Chiếc	0,0833333
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0002315
	Lọ đựng thuốc mang về	Lọ	10,0000000
	Sổ theo dõi cấp thuốc nhiều ngày	Quyển	0,0277778
	Bơm định liều methadone	Chiếc	0,0002315
	Xi lanh 3ml	Cái	0,0229167
	Cốc có mỏ	Cái	0,0002315
	Ấm kê (trong kho thuốc)	Cái	0,0000579
	Nhiệt kế (trong kho thuốc)	Cái	0,0000579
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0000579
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0277778
	Dấu tên nhân viên y tế	Cái	0,0000789
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Giá để cốc	Cái	0,0000579
	Giá để chai thuốc	Cái	0,0001157
	Giá đựng phiếu cấp phát thuốc	Cái	0,0000579
	Giá đựng vỏ chai thuốc sau sử dụng để chờ hủy	Cái	0,0000579
	Cốc dùng 01 lần	Cái	1,1000000
	Thùng đựng cốc sau khi sử dụng	Cái	0,0001157
	Túi nilon cho thùng nhựa to đựng cốc	Túi	0,0018939
	Bình nước có vòi (cho bệnh nhân)	Bình	0,0057895
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Hũ chai thuốc	Kg	0,0754167
	Hũ cốc uống	Kg	0,0625000
	Vận chuyển chai thuốc tiêu hủy	Kg	0,0000579
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000231
	Tủ hồ sơ hành chính	Chiếc	0,0000116
	Tủ bảo quản thuốc có khóa	Cái	0,0000116
	Tủ có khóa đựng thuốc cấp phát hằng ngày	Cái	0,0000116

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Mực in	Lần đổ mực	0,0006250
	Hộp mực	Lần thay	0,0001563
	Máy in nhiệt	Chiếc	0,0000231
	Giấy in nhiệt	Cuộn	0,0006601
	Quạt điện	Cái	0,0001736
	Điều hòa	Chiếc	0,0000231
	Máy hút ẩm	Chiếc	0,0000231
	Máy phát điện	Chiếc	0,0000231
	Hiệu chuẩn âm kế, nhiệt kế	Lần	0,0000579
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0000789
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0000789
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Hộp	0,0000789
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0000789
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,333333

12. Cấp phát thuốc nhiều ngày tại cơ sở cấp phát thuốc

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
1	Vật tư trực tiếp		
	Găng tay	Đôi	0,6250000
	Khẩu trang	Chiếc	0,0833333
	Quần áo nhân viên y tế	Bộ	0,0002315
	Lọ đựng thuốc mang về	Lọ	10,0000000
	Sổ theo dõi cấp thuốc nhiều ngày	Quyển	0,0277778
	Bơm định liều methadone	Chiếc	0,0002315
	Xi lanh 3ml	Cái	0,0229167
	Cốc có mỏ	Cái	0,0002315
	Âm kế (trong kho thuốc)	Cái	0,0000579
	Nhiệt kế (trong kho thuốc)	Cái	0,0000579
	Thẻ nhân viên	Cái	0,0000579
	Thẻ bệnh nhân	Cái	0,0277778
	Dấu tên nhân viên y tế	Cái	0,0000789
	Mực dấu tên	Lần đổ mực	0,0000500
	Giá để cốc	Cái	0,0000579
	Giá để chai thuốc	Cái	0,0001157
	Giá đựng phiếu cấp phát thuốc	Cái	0,0000579
	Giá đựng vỏ chai thuốc sau sử dụng để chờ hủy	Cái	0,0000579
	Cốc dùng 01 lần	Cái	1,1000000
	Thùng đựng cốc sau khi sử dụng	Cái	0,0001157
	Túi nylon cho thùng nhựa to đựng cốc	Túi	0,0018939

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức
	Bình nước có vòi (cho bệnh nhân)	Bình	0,0057895
	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước	Lọ 500ml	0,0100000
	Nước rửa tay	Lọ 500ml	0,0100000
	Hũ chai thuốc	Kg	0,0754167
	Hũ cốc uống	Kg	0,0625000
	Vận chuyển chai thuốc tiêu hủy	Kg	0,0000579
	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	0,0000231
	Tủ hồ sơ hành chính	Chiếc	0,0000116
	Tủ bảo quản thuốc có khóa	Cái	0,0000116
	Tủ có khóa đựng thuốc cấp phát hằng ngày	Cái	0,0000116
	Mực in	Lần đổ mực	0,0006250
	Hộp mực	Lần thay	0,0001563
	Máy in nhiệt	Chiếc	0,0000231
	Giấy in nhiệt	Cuộn	0,0006601
	Quạt điện	Cái	0,0001736
	Điều hòa	Chiếc	0,0000231
	Máy hút ẩm	Chiếc	0,0000231
	Máy phát điện	Chiếc	0,0000231
	Hiệu chuẩn âm kế, nhiệt kế	Lần	0,0000579
	Giấy in A4	Gram	0,0100000
	Bút bi	Chiếc	0,0133333
	Sổ ghi chép	Quyển	0,0000789
	Bấm ghim nhỏ	Chiếc	0,0000789
	Ghim dập	Cái	0,0020000
	Ghim cài	Hộp	0,0000789
	Kéo văn phòng	Chiếc	0,0000789
	Hồ dán	Lọ	0,0500000
2	Nhân công trực tiếp		
	Nhân viên y tế	Giờ	0,333333